

Họ và tên HS:

Lớp: 1A....

BÀI ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

NĂM HỌC 202 - 202

Môn: Toán - Lớp 1

Thời gian: ... phút

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước đáp án đúng:

a) Số "bảy mươi tư" được viết là:

- A. 47 B. 74 C. 704 D. 70

b) Số 83 gồm:

- A. 3 chục và 8 đơn vị B. 8 chục và 3 đơn vị
C. 8 và 3 D. 80 và 30

Bài 2: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước đáp án đúng:

a) Số liền trước của 80 là:

- A. 81 B. 70
C. 79 D. 90

b) Số bé nhất trong các số 42, 18, 65, 37 là:

- A. 42 B. 65
C. 37 D. 18

c) Sắp xếp các số 24, 91, 50, 68 theo thứ tự từ lớn đến bé:

- A. 91, 68, 50, 24 B. 24, 50, 68, 91
C. 91, 50, 68, 24 D. 68, 91, 50, 24

d) Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:

- A. 10 B. 11
C. 22 D. 00

Bài 3: Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước đáp án đúng:

a) Phép tính có kết quả bằng 9 là:

- A. $4 + 4$ B. $10 - 2$
C. $5 + 4$ D. $3 + 5$

b) Dấu thích hợp vào chỗ chấm $49 \dots 94$ là:

- A. $>$ B. $<$ C. $=$

PHẦN 2: TỰ LUẬN

Bài 1: Viết theo mẫu:

Bốn mươi lăm: 45

Chín mươi hai:

Sáu mươi tư:

Ba mươi tám:

Năm mươi mốt:

Bảy mươi bảy:

Bài 2: Điền vào chỗ trống:

- a) Số 62 gồm: chục và đơn vị.
b) Số gồm 4 chục và 9 đơn vị được viết là:
c) Số 90 gồm: chục và đơn vị.
d) Số gồm 2 chục và 5 đơn vị được viết là:

Bài 3: Tính:

$$4 + 6 = \dots\dots\dots$$

$$9 - 3 + 2 = \dots\dots\dots$$

$$10 - 7 = \dots\dots\dots$$

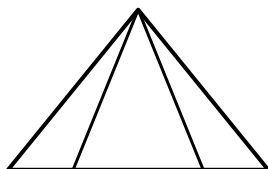
$$4 + 1 + 5 = \dots\dots\dots$$

Bài 4: Viết phép tính thích hợp vào ô trống:



$$\square \quad \square \quad \square = \square$$

Bài 5: Hình dưới đây có bao nhiêu hình tam giác?



Trả lời: Cóhình tam giác.